| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DẦU TIẾNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày: 29-5-2019<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Xuân Kiên;

2. Ông Nguyễn Thế Hiển.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Hà Thị Ngọc P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

*2. Bị đơn*: Ông Phan Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà P có mặt, bị đơn ông T vắng mặt không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc P trình bày*:

Bà Hà Thị Ngọc P và ông Phan Văn T chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L2, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/10/2009. Trong quá trình chung sống,

vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng đã không còn sống chung từ đầu năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, bà P làm đơn ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống, bà P và ông T có 01 con chung tên Phan Minh T1, sinh ngày 28/01/2010. Bà P yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ bà P giao nộp: Bản chính đơn khởi kiện ngày 18/02/2019; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của bà P; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh Phan Minh T1; bản tự khai của bà P; đơn xin xác nhận ngày 21/3/2019 (bản chính).

Ngoài ra, bà P không có trình bày hay không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn ông T:*

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông T.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Anh) có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà P, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông T là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; về con chung: Giao con chung tên Phan Minh T1 cho bà P nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà P có mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông T, kết quả xác minh xác định bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú và vẫn đang cư trú tại ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà P và ông T tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L2, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/10/2009. Hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Bà P xác định quá trình chung sống bà P và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông T không có trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P xin được ly hôn với ông T. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban lãnh đạo ấp L1 và bà Trần Thị Vân là mẹ ruột của bà P trực tiếp sinh sống với hai vợ chồng ông T, xác định: Ông T vẫn còn cư trú tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, giữa bà P và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã không còn sống chung từ đầu năm 2018 cho đến nay. Bị đơn ông T cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy, ông T đã không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà P và ông T có 01 con chung tên Phan Minh T1, sinh ngày 28/01/2010. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu T1 hiện đang sinh sống với bà P có nguyện vọng được sinh sống với bà P, Bà P có nơi cư trú, công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, việc bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho bà P nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81,82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà P không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Ngọc P đối với ông Phan Văn T về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hà Thị Ngọc P được ly hôn với ông Phan Văn T.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

Bà Hà Thị Ngọc P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Minh T1, sinh ngày 28/01/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Hà Thị Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012980 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 29/5/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- UBND xã L2;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Ngọc Tuyền**